

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2025

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Thuận.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Sơn

2. Ông Lưu T1 Kim

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Mai Thảo Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 93/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2025, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Như L, sinh năm: 1985

Nơi cư trú: số 01, đường số 37, thôn 10, xã Nam Chính, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bùi Thanh T, sinh năm: 1983

Nơi cư trú: số 01, đường số 37, thôn 10, xã Nam Chính, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa: có mặt nguyên đơn, bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/02/2025, biên bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, nguyên đơn Trần Thị Như L trình bày:

Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu rồi đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Chính vào năm 2011. Sau khi kết hôn thì anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên đi nhậu về la hét, chửi mắng chị. Mỗi lần cãi nhau là anh T đập phá đồ đạc ở trong nhà (máy tính, điện

thoại, tử, máy in). Ngoài ra khi mâu thuẫn xảy ra thì các cô của anh T tới nhà chị xúc phạm chị, không những thế mẹ của anh T và cô của anh T còn đến nhà cha mẹ của chị để cãi nhau với cha mẹ chị, gần đây (ngày 28/5/2025) anh T còn đánh đập chị. Hiện nay chị và anh T đã ly thân từ ngày 28/5/2025 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, chị yêu cầu ly hôn.

-Về con chung: anh chị có hai con chung:

+ Bùi Tiến S, sinh ngày 28/11/2011

+ Bùi Tiến T1, sinh ngày 18/9/2020

Khi ly hôn thì chị có nguyên vọng nuôi 02 con, chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi tháng 2.000.000đồng/tháng/con.

Về nghề nghiệp hiện nay: Chị đang làm giáo viên thu nhập trung bình là: 10.000.000đồng/tháng. Ngoài ra chị còn dạy thêm tại trung tâm dạy nghề nên có thêm thu nhập khác.

Chị không đồng ý giao con T1 cho anh T nuôi dưỡng, vì anh T đi làm xa tại huyện Hàm Tân, anh T không có thời gian chăm sóc con. Ngoài ra anh T phải thường xuyên đi công tác dài ngày, nếu giao con cho anh nuôi dưỡng thì khi anh đi công tác xa, gần nhà lại không có bà con ruột thịt giúp đỡ cháu, sẽ không thể đảm bảo việc nuôi dưỡng và chăm sóc cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: anh chị tự thỏa thuận.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa. Bị đơn Bùi Thanh T trình bày:

-Về hôn nhân: Về quá trình kết hôn thì chị L trình bày hoàn toàn đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Nguyên nhân cơ bản là từ việc nuôi dạy con lớn (S) nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vì quá bức tức, anh mới đập phá đồ đạc trong nhà. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh, thì anh đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Anh chị có 02 con chung: Bùi Tiến S, sinh ngày 28/11/2011 và Bùi Tiến T1, sinh ngày 18/9/2020. Nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi 01 con nhỏ (T1), mỗi bên nuôi 01 con, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nghề nghiệp hiện nay: anh đang làm thợ điện, trực vận hành tại trạm 110kw tại huyện Hàm Tân, thu nhập trung bình là hơn: 20.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: chúng tôi tự thỏa thuận.

-Ý kiến của Viện kiểm sát: Vụ án được thụ lý, giải quyết không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS năm 2015. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 21 VKS không tham gia xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn có trong hồ sơ của Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2025 Tòa án xác định đây là vụ án: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về thủ tục tố tụng: Kể từ ngày Tòa án nhân dân huyện Đức Linh thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định về việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự được quy định tại chương X Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định: Chị Trần Thị Như L và anh Bùi Thanh T có đăng ký kết hôn vào ngày 13/4/2011 tại UBND xã Nam Chính, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ vào quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật không cần phải chứng minh.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh đến đầu năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn từ việc bất đồng quan điểm về nuôi dạy con chung. Vì vậy anh chị thường xuyên cãi nhau, làm cho tình cảm vợ chồng sút mẻ. Thấy rằng, lời khai của anh chị là hoàn toàn phù hợp với thực tế và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh T nữa và cương quyết ly hôn. Tòa án cũng đã kiên trì hòa giải cho vợ chồng anh đoàn tụ nhưng không thành, cho thấy *“hôn nhân lâm vào tình trạng trầm T1, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Nếu có tiếp tục kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho anh, chị và các cháu. Ngoài ra tại phiên tòa anh T thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị L. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là đúng theo quy định tại Điều 51 và Điều 55 Luật Hôn Nhân và Gia đình và khoản 1, Điều 3 Nghị Quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm Phán tòa án nhân dân tối cao .

[5] Về con chung:

Xét thấy hiện tại hai con: Bùi Tiến S, sinh ngày 28/11/2011 và Bùi Tiến T1, sinh ngày 18/9/2020. Hiện tại hai con đang ở cùng anh chị.

Cháu Bùi Tiến S, sinh ngày 28/11/2011 hiện đã trên 7 tuổi, cháu có bản tự khai là có nguyện vọng được ở với mẹ; Đối với cháu Bùi Tiến T1, sinh ngày 18/9/2020 trên 36 tháng tuổi, lại dưới 7 tuổi. Cả hai anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu.

Hội đồng xét xử thấy chị L làm nghề giáo viên, có thu nhập ổn định, có sức khỏe, có tư cách đạo đức tốt. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con: Bùi Tiến S, sinh ngày 28/11/2011 và Bùi Tiến T1, sinh ngày 18/9/2020 cho chị Trần Thị Như L được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là *“đảm bảo*

quyền lợi về mọi mặt của con” và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1, 2 Điều 6 Nghị Quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm Phán tòa án nhân dân tối cao.

Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con:

Xét về mức cấp dưỡng: Chị L yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đồng/tháng/con. Hội đồng xét xử thấy rằng mức yêu cầu cấp dưỡng này là phù hợp với mức sống trung bình tại địa phương và khả năng thu nhập thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận mức 2.000.000đồng/tháng/con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 2 Điều 7 Nghị Quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân tối cao

Anh T hện nay là người có sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy Hội đồng xét xử cần buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo mức quyết định của Hội đồng xét xử là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật

[6] Về tài sản chung, về nợ chung: Anh chị không tranh chấp. Vì vậy không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Như L đồng ý chịu toàn bộ án phí DSST về việc ly hôn.

Anh Bùi Thanh T phải chịu án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về áp dụng án L: Nghiên cứu các bản án L do TAND tối cao công bố, không có vụ án nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án L mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự của năm 2015; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng Điều 51 và Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 107, 108, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 luật Thi hành án dân sự; khoản 1, Điều 3; khoản 2 Điều 7 Nghị Quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm Phán tòa án nhân dân tối

cao; Nghị quyết về án phí, L phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Trần Thị Như L:

1/Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị Như L ly hôn anh Bùi Thanh T.

2/Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Như L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hai con: Bùi Tiến S, sinh ngày 28/11/2011 và Bùi Tiến T1, sinh ngày 18/9/2020.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con:

Buộc anh Bùi Thanh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con: Bùi Tiến S, sinh ngày 28/11/2011 và Bùi Tiến T1, sinh ngày 18/9/2020, mỗi tháng là 2.000.000đồng/tháng/con, kể từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi các con tròn đủ 18 tuổi.

Chị Trần Thị Như L có quyền yêu cầu thi hành án ngày sau khi xét xử sơ thẩm đối với số tiền anh Bùi Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Bùi Thanh T có nghĩa vụ thi hành ngay số tiền Tòa án buộc phải cấp dưỡng nuôi con theo đơn yêu cầu của chị Trần Thị Như L.

Kể từ ngày chị Trần Thị Như L có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh Bùi Thanh T còn phải chịu lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/Về án phí DSST: Chị Trần Thị Như L phải chịu 300.000đồng án phí DSST về việc ly hôn, nhưng được trừ vào trong số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà chị đã nộp tại biên lai số 0005279 ngày 14/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị Trần Thị Như L đã nộp đủ án phí DSST.

Anh Bùi Thanh T phải chịu 300.000đồng án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con. Án phí nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

5/Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 10/6/2025 để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6/ Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- Thi hành án DS huyện Đức Linh;
- UBND xã Nam Chính
- Các đương sự;.
- Lưu hồ sơ, quyết định./.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Xuân Thuận

